TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DSST
Ngày 17 tháng 7 năm 2019
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tường – Ông Vũ Hồng Khâm

- *Th- ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Toà án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện VKSND huyện Yên Thành tham gia phiên toà*: Không tham gia.

Trong ngày 17/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 04/4/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2019/Q ĐXX - ST ngày 12/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐ-HPT ngày 28/6/2019

Giữa:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT

Địa chỉ: Số 268 NKKN, Phường 8, Quận 3, Thành Phố HCM

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP SGTT: Ông Phạm Việt Đ - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT, chi nhánh Nghệ An.

Nơi công tác: Ngân hàng TMCP SGTT, chi nhánh Nghệ An, tại số 27, đường Q, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Phạm Việt Đ ủy quyền lại cho: Ông Bành Trọng N, sinh năm 1988

Nơi công tác: Ngân hàng TMCP SGTT, chi nhánh Nghệ An, phòng giao dịch D, Nghệ An. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn P - sinh ngày 23/7/1991

Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Bà Lê Thị N, sinh ngày 07/4/1994.

Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

(Ông Lê Văn P, bà Lê Thị N vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu được nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án thể hiện nội dung:

Sau khi có giấy đề nghị kiêm phương án vay của ông Lê Văn P và bà Lê Thị N, thì ngày 15/12/2016 vợ chồng ông P, bà N trú tại xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP SGTT(Sacombank) tại phòng giao dịch huyện D, tỉnh Nghệ An với mục đích vay là sửa chữa nhà với số tiền 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn) theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số số: LD1634900122 ngày 15/12/2016, thời hạn vay 96 tháng, đồng thời ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: LD1634900122/HĐTC ngày 15/12/2016 được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CB048512, Địa chỉ thửa đất: xóm B, Đ, huyện Y, Nghệ An, được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/12/2015 mang tên ông Lê Văn P và Lê Thị N. Thời hạn vay khoản tiền 400.000.000 đồng là 96 tháng kể từ ngày 15/12/2016, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 14/12/2024. Bên cho vay, bên vay thỏa thuận với nhau được ghi trong hợp đồng tín dụng như sau: Vào ngày 10 hàng tháng thì ông P, bà N phải thanh toán số tiền gốc 4.166.000 đồng và khoản lãi phát sinh, lãi trong hạn 11,3 %/ năm, lãi quá hạn 16,95 %/năm. Trong quá trình thực hiện vay thì ông P, bà N đã vi phạm hợp đồng tín dụng, kể ngày 10/10/2018 thì ông P bà N không thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh theo qui định của hợp đồng, Ngân hàng đã đến tận nhà nhắc nhở và thông báo việc trả nợ nhiều lần nhưng ông P bà N vẫn không chịu thanh toán. Do ông P, bà N vi phạm hợp đồng tín dụng ngân hàng khởi kiện ông P bà N để thu hồi nợ trước hạn, đồng thời để nghị tòa án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay.

Từ thời điểm nhận tiền vay đến ngày 09/10/2018 ông Lê Văn P và Bà Lê Thị N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền (gốc /lãi) là: 158.840.646 đồng(trong đó: gốc 91.652.000 đồng; lãi 67.188.646 đồng). Tính đến ngày 16/7/2019(trước ngày xét xử 01 ngày) ông Lê Văn P và bà Lê Thị N còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền :

+ Nợ gốc : 308.348.000 đồng

+ Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 10/10/2018 đến ngày 16/7/2019(279 ngày) số tiền là 40.505.364 đồng

Tổng cộng 348.853.364đ(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng). Ngân hàng TMCP SGTT(Còn gọi là S) đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn P và bà Lê Thị N phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 16/7/2019 là 348.853.364đ(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng), trong đó 308.348.000 đồng tiền gốc, lãi suất 40.505.364 đồng. Trong trường hợp ông Lê Văn P và bà Lê Thị N không trả được nợ hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh Nghệ An – PGD huyện D thì yêu cầu Tòa án bảo thủ tài sản, tuyên bố Ngân hàng TMCP SGTT(Còn gọi là ngân hàng S) có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ trả nợ, thì đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn P và bà Lê Thị N tiếp tục có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Lê văn P, bà Lê Thị N không hợp tác, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông P, bà N để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì việc Ngân hàng cho ông P, bà N vay tiền cơ bản đúng như các nguyên đơn trình đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Lê Văn P, bà Lê Thị N bị đơn trong vụ án có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng ông P, bà N không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lê Văn P, bà Lê Thị N vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lê văn P, bà Lê Thị N tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT(ngân hàng S) và xử lý tài sản thế chấp đối với ông Lê Văn P, bà Lê Thị N là có căn cứ. Việc vay nợ của ông P, bà N đối với Ngân hàng TMCP SGTT được chứng minh tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: LD1634900122 ngày 15/12/2016, với thời hạn vay 96 tháng, lãi trong hạn 11,3 %/ năm, lãi quá hạn 16,95 %/năm; thể hiện Giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: LD1634900122/HĐTC ngày 15/12/2016 do hai bên đã ký kết, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, thửa đất số: 1428; Tờ bản đồ số 17, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 222m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:CB 048512 ngày 03/12/2015 mang tên ông Lê Văn P và bà Lê Thị N.

Thời hạn vay khoản tiền vay 400.000.000 đồng (Bằng chữ : Bốn trăm triệu đồng chẵn) là 96 tháng kể từ ngày 15/12/2016, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 14/12/2024. Theo qui định tại hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần thì ông P, bà N phải trả nợ gốc mỗi tháng là 4.166.000đ và khoản lãi phát sinh. Nhưng kể ngày 10/10/2018 đến

nay thì ông P, bà N không thanh toán số tiền gốc và lãi theo qui định của hợp đồng dơ nợ giảm giảm dần, cố tình dây dưa việc trả nợ. Việc cố tình dây dưa việc thanh toán khoản tiền vay theo hợp đồng là sự nhắc nhở của ngân hàng và thông báo về việc thu hồi nợ ngày 19/8/2018 do ngân hàng đã giao nộp có tại hồ sơ. Sau khi thông báo việc thu hồi nợ ông P, bà N cũng không chịu thanh toán đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên ngân hàng khởi kiện đòi nợ trước hạn là có căn cứ. đúng pháp luật. Trong thời gian vay thì ông P, bà N đã thanh toán được số tiền gốc 91.652.000 đồng; lãi 67.188.646 đồng. Kể từ ngày 10/10/2018 đến ngày 16/7/2019 (trước ngày xét 1 ngày) ông P, bà N chưa thanh toán số tiền gốc, lãi suất cho ngân hàng, nên lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP SGTT(ngân hàng S)Tín yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà N thanh toán số tiền gốc còn lại là 308.348.000 đồng và lãi quá hạn từ ngày 10/10/2018 đến ngày 16/7/2019 (trước ngày xét xử 1 ngày) với số tiền 40.505.364 đồng là đúng pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng TMCP SGTT và vợ chồng ông P, bà N còn ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: LD1634900122/HĐTC ngày 15/12/2016, ông P, bà N đã thế chấp thửa đất số: 1428, tờ bản đồ số 17, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 222m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB048512 ngày 03/12/2015 mang tên ông Lê Văn P và bà Lê Thị N để vay tiền của Ngân hàng. Đây là tài sản hợp pháp của ông P, bà N được dùng để bảo đảm cho khoản vay, nên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành án khi ông Lê Văn P và bà Lê Thị N không trả được nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Văn P, bà LêThị N phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011.

Xử: Buộc ông Lê Văn P và bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT(ngân hàng S) tiền gốc là 308.348.000đ(Ba trăm linh tám triệu,ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng), tiền lãi (tạm tính đến ngày 16/9/2019) là 40.505.364đ(Bốn mươitriệu, năm trăm linh năm nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng). Tổng cả gốc và lãi là 348.853.364đ(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng)

Kể từ ngày 17/7/2019 ông Lê Văn P bà Lê Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số: LD1634900122 ngày 15/12/2016 của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông P, bà N vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP SGTT(ngân hàng S) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn P và bà Lê Thị N không trả hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP SGTT(ngân hàng S) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại tài sản ông P, bà N đã thế chấp đối với thửa đất số: 1428, tờ bản đồ số 17, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 222m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 048512 ngày 03/12/2015 mang tên ông Lê Văn P và bà Lê Thị N để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ thì ông Lê Văn P, bà Lê Thị N phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn P, bà Lê Thị N phải nộp 17.442.668 đ (Mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 7.775.000 đ (Bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP SGTT(ngân hàng S) theo biên lai nộp tiền số: 0003629 ngày 03/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyen án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

"Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- VKS NDYT
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án
- L- u VP+K/quả
- Các đ- ơng sự
- TAND tỉnh Nghệ An